

NGUYỄN VĂN VĨNH VỚI VIỆC CỔ VŨ VÀ TRUYỀN BÁ CHỮ QUỐC NGŨ

ĐẦU THẾ KỶ XX

= tiểu Việt

NGUYỄN THỊ LÊ HÀ*

Trong lịch sử cận đại Việt Nam, Nguyễn Văn Vĩnh là một trí thức Tây học, từng cộng tác với thực dân Pháp nhưng đã có những đóng góp nhất định trên lĩnh vực văn hoá đối với nước nhà. Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu tìm hiểu vấn đề được coi là những đóng góp của ông trên lĩnh vực văn hoá và giáo dục. Đó là việc cổ vũ và truyền bá chữ Quốc ngữ hồi đầu thế kỷ XX.

1. Vài nét về Nguyễn Văn Vĩnh

Nguyễn Văn Vĩnh sinh ngày 30 tháng 4 năm Nhâm Ngọ, (tức ngày 15-6-1882), tại số nhà 46 phố Hàng Giấy, Hà Nội, nguyên quán làng Phượng Dực, thuộc phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây). Ông xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, đông con ở vùng đồng chiêm trũng, quanh năm đói kém, nên bố mẹ ông phải bỏ quê ra Hà Nội kiếm sống. Tám tuổi ông làm nghề kéo quạt ở trường Thông ngôn của Pháp mới mở tại đình Yên Phụ.

Nhờ tính chịu khó và ham học ông được Hiệu trưởng D'Argence cấp học bổng cho đi học. Ông trở thành học sinh thực thụ lớp thông ngôn tập sự ngạch Toà công sứ, niên khoá 1893-1895 và đỗ thủ khoa khi mới 14 tuổi. Kết thúc khoá học,

ông được tuyển thẳng vào làm phiên dịch viên của Toà công sứ Lào Cai, Toà công sứ Hải Phòng, sau lại làm thông ngôn ở Toà công sứ Bắc Giang (từ 1902-1905).

Ngoài công việc chính ở Toà công sứ, Nguyễn Văn Vĩnh còn là cộng tác viên của hai tờ báo tiếng Pháp: "*Courrier de HaiPhong*" và "*Tribune Indochinoise*" của Schneider. Chính những hoạt động này của Nguyễn Văn Vĩnh đã tranh thủ được cảm tình của Hauser, Công sứ Bắc Giang lúc ấy. Nguyễn Văn Vĩnh trở thành thư ký riêng của Hauser. Cho nên khi Hauser được cử về làm Đốc lý Thành phố Hà Nội, ông ta cũng đưa Nguyễn Văn Vĩnh về theo.

Đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến đổi: phong trào "châu Á thức tỉnh" nổi lên; cuộc chiến tranh Nga - Nhật kết thúc mà phần thắng thuộc về nước Nhật. Ở trong nước, phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân phát triển rầm rộ. Đứng trước tình hình này, sau khi P. Beau được bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương thay cho P. Doumer, Toàn quyền P. Beau thấy cần thiết phải cải cách nền giáo dục Việt Nam, tổ chức mở rộng và xây dựng lại hệ thống y tế để có thể theo kịp được những biến động xã hội. Đồng thời, P. Beau cũng chú ý đến các công việc từ thiện nhằm xoa dịu sự

*NCV. Viện Sử học.

phản kháng của nhân dân trước chính sách hà khắc của chính quyền thuộc địa. Toàn quyền P. Beau giao nhiệm vụ cho Đốc lý Hauser trực tiếp vận động và giúp đỡ người Việt làm đơn và thảo điều lệ xin phép lập các trường, các hội, rồi dịch ra tiếng Pháp để đệ trình lên Phủ thống sứ. Nguyễn Văn Vĩnh đã được Hauser tin nhiệm và giao cho đảm trách toàn bộ công việc này. Chính vì thế mà Nguyễn Văn Vĩnh đã trở thành sáng lập viên của các hội, các trường được thành lập ra lúc bấy giờ trong đó tiêu biểu là:

- Hội Trí Tri ở 59 phố Hàng Quạt, Chủ hội là ông Nguyễn Liên. Nguyễn Văn Vĩnh là sáng lập viên, đồng thời là Chủ tịch Ban diễn thuyết và giảng sách mỗi tuần một lần, cùng với ông Nghiêm Xuân Quảng và Trần Tấn Bình là Ủy viên.

- Trường Đông Kinh Nghĩa Thục thành lập năm 1907 ở phố Hàng Đào, Nguyễn Văn Vĩnh là người thảo điều lệ và viết đơn xin thành lập, đồng thời là giáo viên giảng dạy tiếng Pháp, dạy cách viết văn và diễn thuyết.

- Thành lập "Hội dịch sách", "Hội giúp đỡ người Việt đi sang Pháp học trung, đại học và kỹ thuật", cùng nhiều trường, nhiều hội khác...

Năm 1906, Pháp mở Hội chợ thuộc địa tại Thành phố Marseille. Đốc lý Hauser được giao tổ chức gian hàng Bắc Kỳ. Đốc lý Hauser đã giao cho Nguyễn Văn Vĩnh tất cả công việc từ thu thập sản phẩm hàng hoá, thiết kế trưng bày đến tuyển thợ đi Marseille dựng gian hàng. Đồng thời, ông được giao quản lý luôn gian hàng Hội chợ thuộc địa từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1906, lúc đó ông 25 tuổi.

Hội chợ thuộc địa kết thúc, Nguyễn Văn Vĩnh ở lại Marseille một tháng. Sau đó được Đốc lý Hauser đưa lên Paris thăm nhà in và báo "Revue de Paris",

Nhà xuất bản Hachette, Nhà xuất bản Từ điển Larousse. Năm 1907, Nguyễn Văn Vĩnh là người Việt Nam đầu tiên gia nhập Hội Nhân quyền Pháp.

Sau khi về nước, ông xin nghỉ việc để cùng với một người Pháp tên là Dufour thành lập nhà in. Ông cùng với Phan Kế Bính dịch và xuất bản hai tác phẩm đầu tiên là *Tam Quốc* và *Truyện Kiều*. Chính trong *Lời tựa* của cuốn truyện đầu tiên này ông đã đưa ra câu nói nổi tiếng: "Nước Nam ta mai sau này hay hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ". Có thể coi đây là mục đích trong suốt cuộc đời làm báo và xuất bản của ông, đồng thời chính câu nói đó đã trở thành khẩu hiệu kêu gọi của các nhà truyền bá chữ Quốc ngữ đầu thế kỷ XX, và được in trên tất cả các bìa sách do nhà in của Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản. Từ đó, Nguyễn Văn Vĩnh chuyển hẳn sang nghề làm báo và xuất bản. Ông đã quyết định "tự cách tân" mình, bỏ búi tóc, khăn xếp, bỏ áo dài, mặc quần áo theo kiểu Âu, đội mũ cát két, cắt tóc ngắn, đi giầy da, dùng xe mô-tô mang từ Pháp về. Năm 1907 là năm đầu tiên ông thực sự bước vào làng báo với nhiều bút danh khác nhau như: Tân Nam Tử, Đào Thị Loan, V, Bản Quán... tùy theo từng thể văn.

Cho đến nay, phần lớn các tác giả khi nghiên cứu về Nguyễn Văn Vĩnh đều cho rằng ông là người thông minh, có tài và đặc biệt xuất sắc trong nghề làm báo và xuất bản. Nhưng để đạt được kết quả đó ông đã phải vượt qua rất nhiều khó khăn vì thời thơ ấu ông không được học hành căn bản.

Nguyễn Văn Vĩnh chính thức làm chủ bút tờ *Đăng Cổ Tùng* báo số ra đầu tiên ngày 28-3-1907, thay cho tờ *Đại Nam Đồng văn nhật báo*. Tờ *Đăng Cổ Tùng báo* chỉ tồn tại được 9 tháng, đến ngày 14-11-1907 thì ngừng hẳn. Sau khi tờ *Đăng Cổ Tùng báo* đình bản, ông chủ

trường ra tờ báo tiếng Pháp *Notre Journal* (1908-1909). Một năm sau vào năm 1910 ông lại ra tờ *Notre Revue* nhưng cũng chỉ tồn tại được 12 số, và cùng năm đó, ông làm chủ bút tờ *Lục Tỉnh tân văn* ở Sài Gòn.

Đầu năm 1913, ông ra Hà Nội làm chủ bút tuần báo *Đông Dương tạp chí*, số đầu ra ngày 15-5-1913. Năm 1915 ông kiêm làm chủ bút luôn cả tờ *Trung Bắc tân văn*. Từ đây, tờ *Đông Dương tạp chí* chỉ chuyên về những bài đại luận, bài văn chương, bài sư phạm, còn những bài thời sự và tạp luận thì chuyển hết sang tờ *Trung Bắc tân văn*. Cả 3 tờ báo tiếng Việt mà Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút đều do một người Pháp là Schneider sáng lập (1). Đến năm 1919 tuần báo *Đông Dương tạp chí* lại một lần nữa được đổi thành *Học báo* vẫn do ông làm chủ nhiệm. *Học báo* là chuyên san về những vấn đề sư phạm, nhằm giúp các giáo viên dạy tốt và đặt ra phương pháp mới để dạy chữ Quốc ngữ. Cùng năm, ông mua lại tờ *Trung Bắc tân văn* và cho xuất bản nhật báo. Đây là tờ nhật báo đầu tiên ở Bắc Kỳ trong lịch sử báo chí Việt Nam.

Năm 1927 cùng với Vayrac, Nguyễn Văn Vĩnh lập ra tủ sách *Âu Tây tư tưởng*, in các sách do chính ông dịch; sách thường in thành những quyển nhỏ và cho không những tập đầu. Mục đích là cổ động mọi người ham đọc sách để hiểu biết về văn hoá Đông-Tây và học chữ Quốc ngữ một cách nhanh chóng, dễ dàng.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối những năm 20 - đầu những năm 30 thế kỷ XX đã ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các lĩnh vực. Ngành báo chí và kinh doanh nhà in của Nguyễn Văn Vĩnh cũng không tránh khỏi những khó khăn. Báo, sách in ra nhưng không phát hành được. Mặt khác, trong giai đoạn này Chính

quyền thuộc địa Pháp cũng kiểm duyệt gắt gao báo chí tiếng Việt, do tình hình chính trị trong nước có những thay đổi lớn, cùng với phong trào cách mạng lên cao và sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931, ông cho ra tờ báo tiếng Pháp "*Annam Nouveau*" (An Nam mới). Ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho tới năm 1936. Trong 30 năm tròn ông vừa là một cây bút viết một cách say mê trong tất cả mọi lĩnh vực, đồng thời còn là người quản lý nhà xuất bản. Bên cạnh đó, ông là một hội viên hoạt động rất tích cực của hai hội lớn là Trí Tri và Khai Trí Tiến Đức. Song song với công việc mà cả cuộc đời ông say mê kể trên, ông còn tham gia hoạt động chính trị, làm Ủy viên Hội đồng Thành phố Hà Nội khi mới 26 tuổi (1907), trong nhiều khoá liên tiếp làm hội viên Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ (tức Viện Dân biểu) từ năm 1913, và thành viên của Đại Hội đồng Kinh tế Tài chính Đông Dương (cơ quan tư vấn tối cao về kinh tế của Chính phủ Liên bang Đông Dương). Ngoài ra ông còn tham gia Hội Nhân quyền Pháp tại Việt Nam và Hội Tam điểm Quốc tế.

Có thể nói, Nguyễn Văn Vĩnh là một trong số rất ít người Việt Nam lúc đó tham gia vào tất cả các tổ chức tư vấn của Chính quyền Pháp. Chính vì thế có những ý kiến của các nhà nghiên cứu cho rằng ông hoàn toàn phục vụ quyền lợi cho thực dân Pháp. Nhưng có một thực tế là ông đã hai lần từ chối Bắc Đẩu bội tinh, một huân chương cao quý mà người Việt và người Pháp lúc này đều mơ ước.

Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những người Việt Nam đầu tiên tiếp nhận văn hoá Âu Tây và tích cực truyền bá vào Việt Nam. Chính ông là một trong những người đánh những tiếng trống đầu tiên mở màn cho cuộc cách mạng chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ thời kỳ này có rất ít

người chấp nhận sử dụng, trong khi đó chữ Hán, chữ Nôm đã tồn tại lâu đời và được tất cả mọi người chấp nhận nó như là một thứ chữ truyền thống.

2. Nguyễn Văn Vĩnh với việc cổ vũ và truyền bá chữ Quốc ngữ

Phát minh ra chữ Quốc ngữ là công của những giáo sĩ phương Tây (Francisco de Pina, Gaspar do Ammarl, Antonio de Barbosa, Alexandre de Rhodes). Nhưng lúc đó chỉ là chữ dùng mẫu tự La tinh để thể hiện ngữ âm Việt Nam, giúp các giáo sĩ dễ dàng truyền đạo vào Việt Nam. Từ đầu thế kỷ XVII cho đến giữa thế kỷ XIX rất ít người Việt Nam biết và dùng được chữ Quốc ngữ. Phải đến khi Pháp chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ thì chữ Quốc ngữ mới bắt đầu được dạy và được phổ biến.

Người Việt Nam có công truyền bá chữ Quốc ngữ đầu tiên là Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của. Khi đó Trương Vĩnh Ký đã đem những sách đọc dễ hiểu và gắn gũi với tâm lý người Việt như *Lục súc tranh công*, *Phan Trần truyện*, *Lục Vân Tiên* in ra chữ Quốc ngữ, mục đích là để truyền bá rộng rãi trong nhân dân. Năm 1868, Trương Vĩnh Ký viết cuốn sách giáo khoa: *"Tiếng Annam thực hành, dùng cho trường thông ngôn"*. Năm 1876, ông xuất bản cuốn: *"Sách học đánh vần quốc ngữ"*. Tuy Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của là hai người sớm nhất dùng chữ Quốc ngữ làm báo và in sách, nhưng hai ông lại không phát động, hô hào và đẩy lên một phong trào học chữ Quốc ngữ sâu rộng như Nguyễn Văn Vĩnh sau này ở miền Bắc. Nguyễn Văn Vĩnh và nhóm *Đông Dương tạp chí* (Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học...) nhận thấy ở chữ Quốc ngữ rất cần thiết cho dân tộc như ông đã từng nói năm 1907: *"Nước ta sau này hay hay dở dở cũng ở chữ Quốc ngữ"*. Và ông đã lấy

chính chữ Quốc ngữ để truyền tải những điều mới lạ của văn hoá phương Tây cho đông đảo nhân dân ta, như ông đã nêu rõ tại Hội quán Trí Trí (ngày 4-8-1907): *"... Nước Nam ta muốn chóng bước lên đường tiến hoá thì phải mau thu thái lấy những tư tưởng mới. Muốn cho những tư tưởng mới trong văn hoá Âu Tây truyền bá khắp trong dân gian, thì phải cần phiên dịch những sách chữ nước ngoài ra Việt Nam..."*. Sáu năm sau (1913), ông lại đưa vấn đề này trên báo *Đông Dương tạp chí*: *"Bản quán định đem hết những bài luận hay về các công nghệ, về việc buôn bán, dịch ra quốc văn cho người Annam được tận hưởng"* (2).

Từ khi bắt đầu bước vào nghề làm báo và tham gia giảng dạy ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục, Nguyễn Văn Vĩnh đã cổ động nhân dân học chữ Quốc ngữ. Đến năm 1913 ngay số 2 của tờ *Đông Dương tạp chí*, mặc dù vấn đề về thời sự chính trị chiếm gần hết nội dung của tờ báo, nhưng ông vẫn tuyên truyền, cổ động nhân dân Việt Nam học chữ Quốc ngữ để thay thế chữ Hán, chữ Nôm: *"Mở ngay tờ nhật báo này ra mà ngắm xem bấy nhiêu điều luận trong báo, thử nghĩ: giá thử luận bằng chữ Nho thì có mấy người đọc được, mà trong những người đọc được, thì có mấy người hiểu cho hết nghĩa. Thế mà chữ Quốc ngữ, thì không những là người biết chữ Quốc ngữ đọc được, hiểu được, một người đọc cả nhà nghe cùng hiểu được, từ đàn ông cho đến các bà (không dám nói đàn bà sợ các bà quở) trẻ con cũng nghe được mà chỉ với chúng ta trong cuộc luận bàn thế sự thì có phải nó vui việc ra là bao nhiêu"*. Đồng thời ông cũng cho rằng để đọc, viết được chữ Quốc ngữ rất dễ *"ai có ý chí vài ngày, ngu dần là một tháng cũng phải thông"* (3). Trong khi đó học chữ Nho thì phải *"mất hàng nửa đời người, mà trăm người học không*

được một người hay, học được hay cũng chỉ ích lấy một mình, không đem ra mà dùng cho đời được nhờ cái học vấn của mình chẳng qua là một cái thú rung đùi mà thôi” (4). Còn chữ Nôm thì dễ hơn, nhưng có cái khó là mỗi miền, mỗi người lại có cách viết và hiểu khác nhau. Do vậy nó cũng gây khó khăn cho việc học, hiểu và phổ biến rộng rãi.

Nguyễn Văn Vĩnh ý thức được rằng sẽ là rất khó khăn nếu chỉ một mình ông xông xáo trong cuộc cách mạng chữ viết, với mục tiêu là chữ Quốc ngữ phải được tất cả mọi người dùng, phải chiếm lĩnh trên tất cả các lĩnh vực từ hành chính, giáo dục, truyền bá văn hoá qua dịch thuật cũng như sáng tác văn học, nên ông luôn vận động, kêu gọi “những bậc tài hoa, những người có học thức trong nước, phải chuyên vào nghề văn quốc ngữ”, và cả những “bậc có Pháp học, thì tuy rằng cái ngoại tài ấy phải chuyên làm cách trên - cạnh, làm mối kiếm ăn, nhưng hễ muốn nhân việc lập thân mà lại có ích cho cả đồng bào mình, thì phàm luyện được chút tài nào của người, cũng nên dùng quốc văn mà phát đạt nó ra cho cả người đồng - bang được hưởng” (5).

Chữ Quốc ngữ thời gian đầu vẫn còn lúng củng, khi viết câu văn vẫn chưa được lưu loát. Nguyễn Văn Vĩnh thấy cần thiết phải khắc phục những mặt hạn chế đó để chữ Quốc ngữ khi nói, viết diễn tả được đúng ý và chuẩn xác. Ông đã đề xuất một biện pháp đơn giản và hiệu quả là tất cả các thể loại như: báo, sách, văn chương, thơ, tiểu thuyết, nghị luận, đơn từ đến những câu đối, câu phúng, lời chúc mừng bạn bè... đều phải viết bằng chữ Quốc ngữ, để cho người dân làm quen dần một thứ chữ mới, nhưng đọc dễ hiểu và đồng thời cũng luyện cho người viết trôi chảy, chau chuốt hơn.

Bên cạnh việc vận động mọi người cùng tham gia cổ động và viết chữ Quốc ngữ, thì vấn đề ngữ pháp tiếng Việt cũng được ông đưa ra bàn luận để đi đến thống nhất trong toàn quốc về cách đặt câu, cách viết, chấm phẩy, cách nói, viết cho cả 3 miền và cần phải có một thể lệ chung “*Nay bản báo lấy việc cổ động cho chữ Quốc ngữ làm chủ nghĩa, tưởng cũng nên đem hết các khuyết điểm, các nơi không tiện ra mà bàn lại, chẳng dám đem cách nào mới mà xin thế vào lối cũ, sợ thiên hạ lại bảo vẽ vờ, song cũng nên bàn các nơi bất tiện ra để ai nấy lưu tâm vào đó, thì để có ngày tự đứng chẳng phải ai làm mà chữ Quốc ngữ tự đổi dần dần đi*” (6).

Nguyễn Văn Vĩnh có điều kiện đi dọc 3 miền đất nước. Ông đã chú ý giọng nói, cách viết của 3 miền và thấy có sự khác biệt nhau rõ nét như chữ **ch** với chữ **tr** ngoài Bắc không phân biệt mấy nhưng “ở Nam Kỳ thì thật có phân biệt. Như con trâu mà viết thành châu (hạt châu) thì người Nam Kỳ không hiểu... Sự này tôi đã có ý nghiệm từ Thanh Hoá vô tới Quảng Nam và ở Sài Gòn”. Hay chữ **s** với chữ **x**: ngoài miền Bắc và miền Trung thì không phân biệt hai chữ này còn người miền Nam thì “chữ **s** uốn lười như chữ **ch** tây, còn chữ **x** thì đọc như chữ **s** tây. Chữ **gi**, chữ **d**, chữ **r** thì ở Bắc Kỳ ta không phân, còn ở Nam Kỳ và Trung Kỳ phân biệt được chắc chữ **r** mà thôi, còn **d** với **gi** cũng đọc như chữ **y**, mà không mấy người biết chắc được tiếng nào đáng viết **d** hay **gi**” (7). Mục đích của ông khi ông đưa ra sự so sánh giữa 3 miền là mỗi miền nên học những tiếng chuẩn của nhau, mỗi bên “nhường nhịn” nhau một chút, như ngoài Bắc nên theo trong Nam mấy tiếng “**gi** thành **tr**, **d** thành **nh**, **nh** thành **l**... để dùng cho đều trong văn tự, ba miền cùng dễ hiểu cả”. Ông đã liệt kê ra một số từ:

“1. Gi đổi ra tr:

trả để thay cho tiếng giả, trai gái - giai, trắng gió - giăng, trao đổi - giao, trâu không - giầu, tro tàn - gio, trồng cây - giồng, trở về - giở.

2. s đổi ra tr:

trống mái để thay cho tiếng sóng.

3. d đổi ra nh:

mạng nhện để thay tiếng dện, nhọn - dụn, nhốt gà - dốt, nhơ bản - dơ...

4. nh đổi ra l:

lạt để thay tiếng nhạt, lát (chốc) - nhát, làm (lẫn) - nhâm, lệ - nhẹ...” (8). Theo ông nếu mỗi miền chịu học những từ chuẩn của nhau thì chữ Quốc ngữ ngày càng trở nên rõ ràng và trên văn tự có sự thống nhất trong cả nước.

Theo Nguyễn Văn Vĩnh chữ Quốc ngữ trong thời gian đầu “viết có mẹo mực lối lằng. Lối chỉ có một, không phân ra lắm cách như bây giờ, cho nên dễ nhận. Lối ấy, tất là lối của những người Âu châu sang đây trước nhất, tức là các cố đạo”. Nhưng Nguyễn Văn Vĩnh muốn chữ Quốc ngữ phải là một lối viết có luật lệ, có kinh điển để “xứng đáng làm văn chương riêng của nước Nam ta” (9). Cho nên ông cho rằng sự khác biệt giữa 3 miền và việc học hỏi hợt chữ Quốc ngữ của một số người đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển của chữ Quốc ngữ, vì nhiều khi các chữ viết không đúng đã làm cho người đọc phải suy nghĩ và dễ gây hiểu sai nghĩa. Từ thực tế đó ông sợ chữ Quốc ngữ dần dần “thành một lối chữ hỗn độn, không ai hiểu được nữa” (10). Ông đã đề nghị các quan cai trị xét trong các đơn từ nếu đơn nào viết sai lỗi chính tả thì không nhận, trừ những việc khẩn cấp. Nếu được “như thế thì chắc rằng chẳng bao lâu bắt được người Annam phải viết chữ Quốc ngữ theo phép chớ không viết liều được nữa” (11).

Trên *Đông Dương tạp chí* ngay từ những số đầu năm 1913, đã có những bảng mẫu chữ cái Quốc ngữ bao gồm một số nguyên âm và phụ âm, nguyên âm đôi, các vần ghép: bơ, cơ, dơ, gơ, hơ, kơ... và một số đếm đơn giản từ 1 đến 9 và số 0. Bảng chữ cái viết hoa to và các chữ thường theo sau là cách phát âm khá chuẩn xác. Chúng tôi thấy đủ 23 chữ cái, 6 nguyên âm ngắn và 11 phụ âm. Cách phát âm các từ này có kèm theo tranh vẽ dễ hiểu như sách học vần của các em lớp 1 hiện nay, ví dụ: Dép (vẽ đôi dép), Tháp (vẽ cái tháp), lọ (vẽ cái lọ), người mẹ, cái chợ, con quạ... đều có vẽ tranh nhỏ minh họa. Đặc biệt ở *Đông Dương tạp chí* năm 1918 còn có bài hướng dẫn cách cầm bút, cách ngồi, cách viết... Tất cả những công việc này đều có đóng góp quan trọng bậc nhất của chủ bút Nguyễn Văn Vĩnh, người đã hết lòng cho việc cổ súy chữ Quốc ngữ phát triển sâu rộng trong quảng đại quần chúng nhân dân.

Để chữ Quốc ngữ ngày càng hoàn chỉnh, giúp cho mọi người đọc và hiểu được dễ dàng, bên cạnh việc chỉnh sửa những chữ còn sai khi nói và viết (chính tả) thì cần phải thống nhất cách phiên âm tên đất, tên người nước ngoài khi dịch ra chữ Quốc ngữ. Thông thường người dịch theo tiếng Trung Quốc, mặc dù rất dễ đọc và nhớ nhưng lại bị sai với nguyên bản, còn nếu dịch thẳng từ tiếng nước ngoài ra chữ Quốc ngữ thì nhiều người lại không hiểu, còn để nguyên như bản gốc thì những người không biết tiếng nước ngoài lại không đọc được. Từ những khó khăn đó Nguyễn Văn Vĩnh đã đưa ra hai cách phiên âm: “*Bao nhiêu những tên nước lớn, ai cũng biết theo tiếng Tàu rồi như là Pháp, Anh, Nga, Đức, Bỉ-lì-thì, Áo, thì cứ để tiếng biết rồi mà dùng... Còn bao nhiêu những chỗ chưa mấy biết thì dịch theo cách mới, lấy cho gần nguyên âm*”, tức là “*khi viết lẫn những tên ấy*

vào văn quốc ngữ thì nên viết tiếng dịch trước rồi vòng hai bên hai cái viết nguyên dạng chữ vào sau cho người đã biết tiếng Tây dễ nhận ra" (12). Đây là một vấn đề rất cần thiết và rất thời sự đối với báo chí, xuất bản lúc bấy giờ.

Với mong muốn đưa chữ Quốc ngữ nhanh chóng trở thành một chữ viết phổ thông, Nguyễn Văn Vĩnh đã tham gia viết nhiều thể loại, từ nghị luận, dịch tiểu thuyết, thơ ngụ ngôn... bằng chính chữ Quốc ngữ, để chữ Quốc ngữ dần hoàn chỉnh, có khả năng truyền tải được tất cả tư tưởng, tình cảm của con người. Những người không biết chữ Hán và chữ Pháp thì qua chữ Quốc ngữ cũng có thể tiếp cận được những áng văn hay, những tư tưởng mới của nước ngoài. Nguyễn Văn Vĩnh còn biên soạn một quyển sách tự học chữ Quốc ngữ để phát cho những người mua báo.

Nguyễn Văn Vĩnh không chỉ chú trọng đến các thể loại văn chương phương Tây, mà ông cũng rất quan tâm đến văn chương nước nhà. Nhưng, cũng giống như công việc tuyên truyền, cổ vũ chữ Quốc ngữ, một mình ông không thu được kết quả, nếu không có những người cùng chí hướng đồng tình, hưởng ứng "ước gì, các bậc cao minh trong nước Nam, ông nào cũng lo việc gây dựng văn chương của nước mình, và đồng tình với bốn quán, sẽ hết lòng mà giúp cho bốn quán thành được việc hay và có ích lâu dài cho người Annam" (13). Ông và những người cùng chí hướng đã thành công trong việc đưa được văn chương Việt Nam thoát dần khỏi khuôn mẫu của văn chương Trung Hoa. Ông là một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho nền văn học hiện đại nước nhà "Tiếng Annam mình hiện bây giờ cũng đã đủ tiếng mà lập nên được một văn chương riêng, làm ra sách vở có ích được cho cả nước, nam phụ lão ấu cũng hiểu được" (14).

Trong số những người cùng chí hướng với ông thời gian đó như Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh... thì Nguyễn Văn Vĩnh được coi là người đứng đầu của phong trào cổ vũ và truyền bá chữ Quốc ngữ ở Việt Nam. Ông luôn thực hiện bằng cả hai hình thức: diễn thuyết và xuất bản (hay ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết).

Với mục đích đào tạo một số người trở thành phiên dịch phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa, cho nên trong chương trình giảng dạy, chữ Quốc ngữ chỉ chiếm thời lượng rất ít mà phần lớn thời gian dành cho việc học chữ Pháp. Vì vậy, Nguyễn Văn Vĩnh, cùng với việc truyền bá văn hoá phương Tây đã rất tích cực tuyên truyền, cổ vũ người dân học chữ Quốc ngữ, dùng chữ Quốc ngữ để truyền tải những cái hay cái đẹp của nền văn minh Việt, phổ biến những tư tưởng Đông - Tây để làm cho nhân dân vừa hiểu được nền văn hoá Pháp, vừa giữ được bản sắc văn hoá dân tộc. Ông đã từng nói "Nước Nam ta mất vì những trí thức nho học chỉ biết làm văn Tàu. Chúng ta bây giờ đừng để trở thành những người trí thức mới chỉ biết làm văn chương Tây" (15).

Chữ Quốc ngữ lúc đầu rất phức tạp vì chữ có rất nhiều nguyên âm (72 nguyên âm), cho nên việc in ấn gặp rất nhiều khó khăn do các máy chữ mua của phương Tây không có nhiều dấu như vậy. Do đó, việc cải cách chữ Quốc ngữ cho bớt dấu đi là rất cấp thiết và quan trọng. Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những người đầu tiên đề xướng việc cải cách chữ Quốc ngữ để tiện in ấn, xuất bản. Theo Hồ Lân Trinh trong "Sự cải cách văn chữ Việt" thì "Muốn cho chủ và thợ nhà in áp dụng những tiến bộ về kỹ thuật in cho chữ Việt, thì phải cải cách chữ viết thế nào cho ít dấu chữ chùng nào hay chùng nấy. Đi từ ý này và đưa ý đó đến chỗ cùng tột,

Nguyễn Văn Vĩnh đề nghị hạn chế các dấu lại còn 26: đó là số người Anh hùng. Như vậy bất cứ máy sắp chữ mua ở thị trường nào trên thế giới cũng có thể “phụng sự” chữ Việt được. Nhưng làm sao để nhốt 72 nguyên âm Việt vào trong phạm vi chật chội của 7 nguyên âm Anh? Nguyễn Văn Vĩnh liền đề nghị hai ước lệ: thay thế một số nguyên âm bằng những nguyên âm đôi và đánh dấu giọng thấp cao bằng những phụ âm không ở cuối vần mà người sẽ để ở chót tiếng” (16).

Chữ Quốc ngữ có tới 5 dấu thanh: nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã và những râu ở chữ đ, ơ, ư. Nguyễn Văn Vĩnh đã đề xướng cải cách ngay trên tờ báo do ông làm chủ bút (*Đông Dương tạp chí*, *Trung Bắc Tân văn*). Theo đó chữ F thay dấu huyền, chữ W thay dấu sắc... Sự cải cách của ông rất tiện lợi trong thời kỳ máy chữ mua của Pháp. Nhưng những việc làm đó của ông không được nhiều người cùng thời hưởng ứng. Mãi sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, và sau ngày hoà bình lập lại, ngành bưu điện Việt Nam đã áp dụng chính hệ thống “chữ Quốc ngữ cải cách của Nguyễn Văn Vĩnh” trong các điện tín.

Đến năm 1918 (17) năm kết thúc của tờ *Đông Dương tạp chí*, đồng thời cũng là năm chữ Quốc ngữ thắng lợi hoàn toàn, thì không còn ai có thể nghi ngờ khả năng của chữ Quốc ngữ nữa. Chữ Quốc ngữ đã có thể dịch được tất cả những áng văn hay của nước ngoài, cũng như diễn tả được những tư tưởng và cảm xúc một cách chân thực. Chữ Quốc ngữ đã được sử dụng rộng rãi thay thế chữ Hán và chữ Nôm (chữ Hán bị bãi bỏ trong thi cử năm 1915 ở Bắc Kỳ, và chấm dứt trên cả nước năm 1919 ở Trung Kỳ). Từ đây chữ Quốc ngữ đã trở thành thứ chữ phổ thông chiếm vị trí quan trọng và được tất cả người dân Việt Nam ưa dùng.

Để đạt được thành quả đó, những người đi tiên phong cổ vũ và cải cách chữ Quốc ngữ như Nguyễn Văn Vĩnh đã trải qua rất nhiều khó khăn, một phần vì chính quyền thuộc địa Pháp muốn người Việt cắt đứt những liên hệ truyền thống với Trung Quốc thông qua chữ Hán và mặt khác: “Việc truyền bá chữ Quốc ngữ chỉ có thể là rất lợi cho sự mở rộng ảnh hưởng của chúng ta trong xứ này, và làm quan hệ của chúng ta với người bản xứ được dễ dàng” (18). Nhưng trong thực tế, chương trình học của nước ta lúc đó, chỉ 3 năm đầu cấp tiểu học được học bằng chữ Quốc ngữ, đến bậc trung học chữ Quốc ngữ chỉ còn là một môn sinh ngữ, trong khi tiếng Pháp được nâng lên trong tất cả các môn học. Và đến bậc cao đẳng, đại học thì chữ Việt mất hẳn, chỉ còn lại chữ Pháp. Đồng thời, họ phải đối đầu với ý thức hệ phong kiến lạc hậu, bảo thủ trong xã hội Việt Nam. Vì vậy việc cổ động cho việc học chữ Quốc ngữ từ thành thị đến nông thôn là một việc rất khó khăn. Trước thực tế đó việc lên tiếng bảo vệ, cổ động cho chữ Quốc ngữ của Nguyễn Văn Vĩnh và những người cùng chí hướng với ông là một việc làm rất đáng kể, rất đáng trân trọng.

Mặc dù chữ Quốc ngữ và những người truyền bá chữ này được đặt dưới sự bảo trợ của Chính quyền thuộc địa, nhưng người Pháp không thể ngờ rằng, khi loại chữ này đã trở thành chữ viết của dân chúng để truyền đạt tư tưởng và nguyện vọng, thì chính quyền thuộc địa lúc này đã không thể kiểm soát được nữa và nó đã trở thành nhân tố quan trọng trong công cuộc giành độc lập của dân tộc Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam sau này cũng nhận thấy việc truyền bá chữ Quốc ngữ là một biện pháp để giáo dục quần chúng và đưa quần chúng đi theo con đường cách mạng của Đảng và Mặt trận

Việt Minh tiến tới Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi. Chủ Quốc ngữ đã được giảng dạy trong tất cả các trường từ bậc tiểu học đến đại học.

Những năm cuối đời, Nguyễn Văn Vĩnh gặp nhiều khó khăn trong công việc báo chí, xuất bản lẫn trong chính trường. Từ năm 1930 trở đi, Nguyễn Văn Vĩnh đã nợ Ngân hàng Đông Dương rất nhiều tiền nên chính quyền thuộc địa Pháp buộc ông phải lựa chọn một trong ba con đường do Pháp đặt ra: Một là vào Huế làm quan Thượng thư; Hai là vào tù; Cuối cùng là phải đi biệt xứ sang Lào tìm vàng về trả nợ. Ông đã chọn phương án thứ ba để bảo vệ nhân cách của mình, đồng thời ông cũng muốn qua chuyến đi này có thể khảo sát thêm và có điều kiện tiếp tục viết báo. Nhưng ông đã chết trong lần thứ hai đi tìm vàng trên dòng sông Sê-băng-gi, trên một chiếc thuyền độc mộc, trong người không có lấy một đồng xu, nhưng trên tay vẫn đang cầm một quả bút và một bài phóng sự đang viết dở "*Một tháng với những người đi tìm vàng*", mà mấy bài đầu ông gửi về đăng trên tờ *Annam Nouveau*. Ông mất vào ngày 1-5-1936.

CHÚ THÍCH

(1). Schneider ban đầu làm việc trong xưởng in của Nhà nước, sau đứng ra mở nhà in riêng. Ông là một trong những thầy dạy người Việt Nam đầu tiên bước chân vào nghề làm báo và nhà in.

(2), (3). *Đông Dương tạp chí*, số 2-1913, tr. 2.

(4). *Đông Dương tạp chí*, số 31-1913, tr. 3.

(5). *Đông Dương tạp chí*, số 40-1914, tr. 4.

(6), (7). *Đông Dương tạp chí*, số 33-1913, tr. 4.

(8). *Đông Dương tạp chí*, số 82-1914, tr. 6.

(9), (10), (11). *Đông Dương tạp chí*, số 51-1914, tr. 4-5.

(12). *Đông Dương tạp chí*, số 67-1914, tr. 9.

(13), (14). *Đông Dương tạp chí*, số 9-1913, tr. 10.

Cụ Hoàng Đạo Thuý, một trí thức yêu nước người Hà Nội đã nhận xét về Nguyễn Văn Vĩnh: "*Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những thông ngôn đầu tiên giỏi tiếng Pháp, có học thức, tinh khôn, tài hoa, lại có óc kinh doanh. Vĩnh rất hăng hái trong việc truyền bá chữ Quốc ngữ... Sau Nguyễn Văn Vĩnh kinh doanh nghề in, cải tiến nhà in, ra được nhiều sách đẹp, lại làm việc kinh doanh nữa. Đã kinh doanh thì va ngay vào các quyền lực tài chính của thực dân Pháp và bị đè bẹp*" (19). Khi ông mất có rất nhiều các bậc danh tiếng thời đó như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Trọng Kim, Phan Bội Châu, Nguyễn Văn Tố... đã gửi tới viếng ông những câu đối, trướng, liễn với biết bao tình cảm tiếc thương và kính trọng.

Việc nghiên cứu, đánh giá về cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Văn Vĩnh còn cần phải đầu tư nhiều công sức và thời gian.

Bài viết này chỉ góp một phần rất nhỏ vào việc nhận định, đánh giá nhân vật Nguyễn Văn Vĩnh.

(15). Sơn Tùng: *Tiểu thuyết hoa râm bụi*. Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1998, tr. 181. (trích lời ông Nguyễn Văn Vĩnh).

(16). Hồ Lân Trinh. *Sự cải cách văn chữ Việt*, trong "*Phê bình văn nghệ*", tập 1, ngày 8-2-1958. Dẫn lại của Tân Phong Hiệp: "*Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936)*". Bách Khoa, số 32-1958.

(17). Nhiều tài liệu cho rằng năm 1917 là năm kết thúc của tờ *Đông Dương tạp chí*, nhưng chúng tôi khảo sát tờ báo lại là năm 1918.

(18). *Bulletin administratif du Tonkin* (Thông tư của Thông sứ Bắc Kỳ SIMONI gửi công sứ các tỉnh) ngày 7-3-1910, tr. 303.

(19). Hoàng Đạo Thuý: *Người và cảnh Hà Nội*. Nxb. Hà Nội, 1982, tr. 242.